|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BTTTT |
| **DỰ THẢO** | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024*  |

**THÔNG TƯ**

**sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo**

*Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện ngày 09 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2022/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Căn cứ Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia; Quyết định số 15/2024/QĐ-TTg ngày 04 tháng 10 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Quyết định số 38/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 71/2013/QĐ-TTg ngày 21 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy hoạch phổ tần số vô tuyến điện quốc gia;*

*Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện;*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo.*

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo như sau:

1. Bổ sung điểm 54a vào sau điểm 54 Mục 1 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo như sau:

“

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **BĂNG TẦN** | **LOẠI THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN** | **PHÁT XẠ CHÍNH** | **PHÁT XẠ GIẢ HOẶC KHÔNG MONG MUỐN** |
|  | **A** | **B** | **C** | **D** |
| 54a. | 5925 ÷ 6425 MHz | Thiết bị mạng nội bộ không dây (WLAN/ RLAN) | Theo quy định tại Phụ lục 10 | Theo giới hạn phát xạ giả 25 |

”.

2. Bổ sung điểm 2.25 vào sau điểm 2.24 Mục 2 Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo như sau:

“2.25 Giới hạn phát xạ giả 25: (Bảo đảm tuân thủ giới hạn phát xạ giả của máy phát quy định theo Khuyến nghị số ITU-R. SM 329-12 (Chú thích 3)):

|  |  |
| --- | --- |
| **Tần số (f)** | **Mức giới hạn** |
| 47 MHz ≤ f ≤ 74 MHz;87,5 MHz ≤ f ≤ 118 MHz;174 MHz ≤ f ≤ 230 MHz;470 MHz ≤ f ≤ 862 MHz | -54 dBm (4nW) |
| Tại các tần số khác từ 30 MHz đến 1000 MHz | -36 dBm (250nW) |
| 1000 MHz ≤ f ≤ 26 GHz Từ 1 GHz đến 26 GHz | -30 dBm (1µW) |

”.

2. Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo như Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

**Điều 2. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày…..tháng…..năm ….

2. Chánh Văn phòng, Cục trưởng Cục Tần số vô tuyến điện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Thông tin và Truyền thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Thông tin và Truyền thông (Cục Tần số vô tuyến điện) để được hướng dẫn hoặc xem xét, giải quyết./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:**** Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
* Văn phòng Chính phủ;
* Văn phòng Chủ tịch nước;
* Văn phòng Quốc hội;
* Văn phòng Tổng Bí thư;
* Văn phòng Trung ương Đảng;
* Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
* Bộ TT&TT: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng Thông tin điện tử;
* UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
* Sở Thông tin và Truyền thông các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
* Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
* Công báo;
* Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
* Lưu: VT, CTS.250.
 | **BỘ TRƯỞNG****Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Phụ lục I**

**SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHỤ LỤC 10 THÔNG TƯ SỐ 08/2021/TT-BTTTT
 NGÀY 14 THÁNG 10 NĂM 2021 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số …/…./TT-BTTTT ngày …. tháng … năm … của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)*

Sửa đổi, bổ sung Phụ lục 10 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ Trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo như sau:

*(Trong dự thảo dưới đây, nội dung sửa đổi, bổ sung được* ***in đậm và gạch chân*** *để tiện theo dõi)*

“**PHỤ LỤC 10**

**ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT VÀ KHAI THÁC ĐỐI VỚI THIẾT BỊ MẠNG NỘI BỘ KHÔNG DÂY (WLAN/RLAN) ĐƯỢC MIỄN GIẤY PHÉP
SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN**(*Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2021/TT-BTTTT ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông*)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Băng tần** | **Phát xạ chính**  | **Phát xạ giả**  | **Điều kiện khác** |
| 2400 ÷ 2483,5 MHz | ≤ 200 mW EIRP (đối với thiết bị sử dụng điều chế trải phổ nhảy tần (FHSS) và ≤ 10 mW/MHz EIRP đối với thiết bị sử dụng điều chế khác FHSS | Theo giới hạn phát xạ giả 11 | Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |
| 5150 ÷ 5250 MHz | ≤ 200 mW EIRP và ≤ 10 mW/MHz EIRP  | Theo giới hạn phát xạ giả 14 | - Sử dụng thiết bị ở môi trường trong nhà (Indoor use) hoặc môi trường có tính năng che chắn sóng điện từ (Ví dụ: sử dụng trong ô tô).- Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |
| 5250 ÷ 5350 MHz | ≤ 200 mW EIRP và ≤ 10 mW/MHz EIRP (nếu thiết bị có khả năng điều khiển công suất máy phát)≤ 100 mW EIRP và ≤ 5 mW/MHz EIRP (nếu thiết bị không có khả năng điều khiển công suất máy phát) | Theo giới hạn phát xạ giả 14 | - Thiết bị phải có khả năng lựa chọn kênh tần số động (DFS). - Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |
| 5470 ÷ 5725 MHz | ≤ 1 W EIRP và ≤ 50 mW/MHz (nếu thiết bị có khả năng điều khiển công suất máy phát)≤ 500 mW EIRP và ≤ 25 mW/MHz EIRP (nếu thiết bị không có khả năng điều khiển công suất máy phát) | Theo giới hạn phát xạ giả 14 | - Thiết bị phải có khả năng lựa chọn kênh tần số động (DFS). - Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |
| 5725 ÷ 5850 MHz | ≤ 1 W EIRP và ≤ 50 mW/MHz | Theo giới hạn phát xạ giả 14 | Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |
| **5925 ÷ 6425 MHz** | **≤ 200 mW EIRP và****≤ 10 mW/MHz EIRP** | **Theo giới hạn phát xạ giả 25** | **Sử dụng thiết bị ở môi trường trong nhà (Indoor use).** |
| **≤ 25 mW EIRP và****≤ 1 mW/MHz EIRP** | **Theo giới hạn phát xạ giả 25** | **Sử dụng thiết bị ở vị trí cố định ngoài trời (Outdoor use).** |
| 57 ÷ 66 GHz | ≤ 10 W EIRP | Theo giới hạn phát xạ giả 17 | - Thiết bị bắt buộc sử dụng ăng-ten tích hợp.- Không lắp đặt thiết bị ở vị trí cố định ngoài trời.- Tổ chức, cá nhân triển khai, sử dụng thiết bị WLAN/RLAN cần tuân thủ các quy định của pháp luật về viễn thông, an toàn thông tin và bảo vệ dữ liệu. |

”.